

Số: /QĐ-UBND

Sơn La, ngày tháng 10 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt danh sách lưu học sinh nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào vào học chuyên ngành tại Trường Đại học Tây Bắc và Trường Cao đẳng Y tế Sơn La năm học 2025 - 2026

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Chỉ thị số 33/CT-TTg ngày 05/11/2014 của Thủ tướng Chính phủ về nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực cho Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào;

Căn cứ Thông tư số 30/2018/TT-BGDĐT ngày 24/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế quản lý người nước ngoài học tập tại Việt Nam;

Căn cứ Nghị quyết số 71/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chính sách hỗ trợ đối với lưu học sinh nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào sang Việt Nam học tập theo chương trình hợp tác với tỉnh Sơn La;

Căn cứ Nghị quyết số 119/2025/NQ-HĐND ngày 17/7/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc sửa đổi một số điều của Nghị quyết số 71/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chính sách hỗ trợ đối với lưu học sinh nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào sang Việt Nam học tập theo chương trình hợp tác với tỉnh Sơn La;

Căn cứ Kế hoạch số 146/KH-UBND ngày 23/5/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc tuyển sinh lưu học sinh nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào năm học 2024-2025;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 320/TTr-SGDĐT ngày 21/10/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này danh sách **150** lưu học sinh nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào vào học chuyên ngành tại Trường Đại học Tây Bắc và Trường Cao đẳng Y tế Sơn La năm học 2025-2026, cụ thể:

- Số lưu học sinh Lào vào học tại Trường Đại học Tây Bắc: **70** lưu học sinh, trong đó: trình độ đại học (*học 4 năm*): **64** lưu học sinh; trình độ liên thông đại học (*học 02 năm*): **05** lưu học sinh; trình độ liên thông đại học (*học 03 năm*): **01** lưu học sinh.

- Số lưu học sinh Lào vào học tại Trường Cao đẳng Y tế Sơn La trình độ cao đẳng (*học 3 năm*): **80** lưu học sinh.

(Có danh sách kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Lưu học sinh nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào có tên tại Điều 1 được hưởng các quyền lợi theo quy định tại Nghị quyết số 71/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chính sách hỗ trợ đối với lưu học sinh nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào sang Việt Nam học tập theo chương trình hợp tác với tỉnh Sơn La; Nghị quyết số 119/2025/NQ-HĐND ngày 17/7/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc sửa đổi một số điều của Nghị quyết số 71/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chính sách hỗ trợ đối với lưu học sinh nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào sang Việt Nam học tập theo chương trình hợp tác với tỉnh Sơn La và theo các quy định hiện hành.

2. Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Ngoại vụ, Sở Tài chính, Công an tỉnh, Trường Đại học Tây Bắc, Trường Cao đẳng Y tế Sơn La có trách nhiệm hoàn tất hồ sơ, thủ tục tiếp nhận, quản lý và giải quyết các quyền lợi của lưu học sinh theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, các quy định của tỉnh Sơn La và quy định pháp luật hiện hành của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở, ngành: Ngoại vụ, Tài chính, Công an tỉnh, Giáo dục và Đào tạo; Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Bắc; Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Sơn La; Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị liên quan và các lưu học sinh nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Thường trực Đảng ủy UBND tỉnh;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy;
- Như Điều 3;
- LĐ VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX, Đại.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Đình Việt

DANH SÁCH
Lưu học sinh nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào vào học chuyên ngành tại Trường Đại học Tây Bắc
và Trường Cao đẳng Y tế Sơn La năm học 2025 - 2026
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /10/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La)

I. Danh sách lưu học sinh học chuyên ngành tại Trường Đại học Tây Bắc

STT	Họ và Tên	Giới tính	Ngày sinh	Số hộ chiếu	Tỉnh cử đào tạo	Diện	Ngành đăng ký học	Trình độ	Hệ đào tạo	Thời gian đào tạo dự kiến
1	SINLAXAY BOUNPHENG	Nam	10/11/1990	P3095557	U Đôm Xay	Ngân sách	Sư phạm Tiếng Anh	Liên thông Đại học	Chính quy	2 năm
2	PHOUDTHAVONG BOUNKHAM	Nam	23/7/1987	P3126432	Hủa Phăn	Ngân sách	Kế toán	Liên thông Đại học	Chính quy	2 năm
3	PHOUANGMANY NOY	Nữ	12/01/1990	P3074763	Phông Sa Lý	Ngân sách	Tài chính - Ngân hàng	Liên thông Đại học	Chính quy	2 năm
4	KHOTHAMMAT SOUAY	Nữ	12/3/1988	P3105222	U Đôm Xay	Ngân sách	Giáo dục Tiểu học	Liên thông Đại học	Chính quy	2 năm
5	SANGANOUSONE KHAMKIENG	Nam	08/01/1994	P3043571	U Đôm Xay	Ngân sách	Giáo dục Tiểu học	Liên thông Đại học	Chính quy	2 năm
6	DOUANGVILAIKEO KHAMXAY	Nam	04/8/1989	P3086529	U Đôm Xay	Ngân sách	Sư phạm Địa lý	Liên thông Đại học	Chính quy	3 năm
7	LAOXAYCHOU XONG	Nữ	03/5/2006	P3111427	Hủa Phăn	Ngân sách	Sư phạm Tiếng Anh	Đại học	Chính quy	4 năm
8	PHONEPASERT TOY	Nữ	16/5/2006	P3115792	Hủa Phăn	Ngân sách	Sư phạm Tiếng Anh	Đại học	Chính quy	4 năm
9	SYPHENG NOUTMANY	Nữ	06/6/2006	P3095715	Hủa Phăn	Ngân sách	Sư phạm Tiếng Anh	Đại học	Chính quy	4 năm

10	DASUEYA HUA	Nam	09/3/2007	P3076578	Luông Nậm Thà	Ngân sách	Giáo dục Chính trị	Đại học	Chính quy	4 năm
11	SAYSANAVONG NALASAK	Nam	23/6/2007	P2964014	Luông Pha Bang	Ngân sách	Sư phạm Tiếng Anh	Đại học	Chính quy	4 năm
12	SINGSAVANH PHIMVILAY	Nam	04/3/2000	P3115853	Phông Sa Lý	Ngân sách	Giáo dục Chính trị	Đại học	Chính quy	4 năm
13	PHERNGKANAT THERNG	Nam	20/3/2004	P3113864	U Đôm Xay	Ngân sách	Giáo dục Chính trị	Đại học	Chính quy	4 năm
14	TAVA KOMANY	Nam	08/9/2005	P3114054	U Đôm Xay	Ngân sách	Giáo dục Chính trị	Đại học	Chính quy	4 năm
15	HERXAIYA KACHUE	Nữ	25/4/2006	P3116279	Hủa Phăn	Ngân sách	Kế toán	Đại học	Chính quy	4 năm
16	PHENGPHAXAY SOUKSAKHONE	Nữ	12/02/2006	P3070843	Hủa Phăn	Ngân sách	Quản trị Kinh doanh	Đại học	Chính quy	4 năm
17	PHANTHALACK CHONENY	Nữ	26/01/2007	P3111946	Luông Nậm Thà	Ngân sách	Tài chính - Ngân hàng	Đại học	Chính quy	4 năm
18	TOUYCHANDENG AKHOM	Nam	12/8/2003	P3154447	Luông Nậm Thà	Ngân sách	Tài chính - Ngân hàng	Đại học	Chính quy	4 năm
19	VANNALATSAMY SOUVANNALATH	Nam	28/02/2007	P2929921	Luông Pha Bang	Ngân sách	Quản trị Kinh doanh	Đại học	Chính quy	4 năm
20	THOR TOU	Nam	07/9/2006	P3118436	Phông Sa Lý	Ngân sách	Quản trị Kinh doanh	Đại học	Chính quy	4 năm
21	XIONG KEO	Nữ	03/11/2005	P3151300	U Đôm Xay	Ngân sách	Quản trị Kinh doanh	Đại học	Chính quy	4 năm
22	LEE TOUMOR	Nam	10/12/2003	P3086557	U Đôm Xay	Ngân sách	Tài chính - Ngân hàng	Đại học	Chính quy	4 năm
23	SYLUANGKHOD BOLING	Nam	15/01/2006	P3116862	Xay Nhạ Bu Ly	Ngân sách	Tài chính - Ngân hàng	Đại học	Chính quy	4 năm

24	CHERVANENGVALAO YENG	Nam	24/11/2006	P3073725	Xay Nhà Bu Ly	Ngân sách	Quản trị Kinh doanh	Đại học	Chính quy	4 năm
25	KHEMVIXAY VISA	Nữ	17/9/2006	P3022892	Xay Nhà Bu Ly	Ngân sách	Quản trị Kinh doanh	Đại học	Chính quy	4 năm
26	LEEGNIAYEE CHEE IALEE	Nữ	06/9/2006	P3115734	Xay Sồm Bun	Ngân sách	Kế toán	Đại học	Chính quy	4 năm
27	KHANTIVONG CHANTHAPHONE	Nữ	14/02/2006	P3113552	Xay Sồm Bun	Ngân sách	Tài chính - Ngân hàng	Đại học	Chính quy	4 năm
28	LEENAOYEE DACILEE	Nữ	08/10/2006	P3096313	Xay Sồm Bun	Ngân sách	Tài chính - Ngân hàng	Đại học	Chính quy	4 năm
29	BOUALONG YONGLEE	Nữ	20/8/2006	P3116399	Xay Sồm Bun	Ngân sách	Quản trị Kinh doanh	Đại học	Chính quy	4 năm
30	BOUNKHOUNXAY NOUKNOUY	Nữ	25/7/2007	P3116978	Xay Sồm Bun	Ngân sách	Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành	Đại học	Chính quy	4 năm
31	VONGSAVANG JAN	Nữ	27/12/2005	P2731288	Xay Sồm Bun	Ngân sách	Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành	Đại học	Chính quy	4 năm
32	SAYMANYVONG TAMEE	Nữ	02/10/2007	P3104845	Xiêng Khoảng	Ngân sách	Quản trị Kinh doanh	Đại học	Chính quy	4 năm
33	YIAVUE ANYYANG	Nữ	03/02/2007	P3104397	Xiêng Khoảng	Ngân sách	Quản trị Kinh doanh	Đại học	Chính quy	4 năm
34	INPUNYA SINGTHANU	Nam	25/10/2007	P3126492	Xiêng Khoảng	Ngân sách	Kế toán	Đại học	Chính quy	4 năm
35	VONGPHACHAN VIENGKEO	Nam	11/4/2006	P3091520	Xiêng Khoảng	Ngân sách	Kế toán	Đại học	Chính quy	4 năm
36	THAMMACHANH PHUETSAPHA	Nam	01/5/2005	P2392716	Bò Kẹo	Ngân sách	Công nghệ Thông tin	Đại học	Chính quy	4 năm

37	MOUNLATHSAVONG XAYSETTHA	Nam	28/7/2006	P3120862	Bò Kẹo	Ngân sách	Công nghệ Thông tin	Đại học	Chính quy	4 năm
38	YUE CHANXAY	Nam	28/6/2005	P3104840	Hòa Phấn	Ngân sách	Công nghệ Thông tin	Đại học	Chính quy	4 năm
39	BOUNPHONEXAY SOUKSAWAT	Nam	05/12/2006	P3084042	Hòa Phấn	Ngân sách	Công nghệ Thông tin	Đại học	Chính quy	4 năm
40	XAYPANYA AOMSIN	Nữ	01/8/2006	P3091429	Hòa Phấn	Ngân sách	Công nghệ Thông tin	Đại học	Chính quy	4 năm
41	SYNAVONG LENNY	Nữ	30/8/2006	P3100174	Hòa Phấn	Ngân sách	Công nghệ Thông tin	Đại học	Chính quy	4 năm
42	KHAMBOUTDAPHAN SAENGPASERTH	Nam	18/9/2006	P3045817	Hòa Phấn	Ngân sách	Công nghệ Thông tin	Đại học	Chính quy	4 năm
43	SOUVANH PHONEXAY	Nam	01/7/2006	P3095765	Phông Sa Lý	Ngân sách	Công nghệ Thông tin	Đại học	Chính quy	4 năm
44	VAHOUAMOUA TUELEE	Nam	17/11/2005	P3095987	U Đôm Xay	Ngân sách	Công nghệ Thông tin	Đại học	Chính quy	4 năm
45	OUPASEUTH KHAMXAY	Nam	16/8/2006	P3102790	U Đôm Xay	Ngân sách	Công nghệ Thông tin	Đại học	Chính quy	4 năm
46	XAYYATHAK SOUKDAPHONE	Nữ	29/6/2006	P3108032	Xay Nhạ Bu Ly	Ngân sách	Công nghệ Thông tin	Đại học	Chính quy	4 năm
47	KEOTHONG SOU DAPHONE	Nữ	28/10/2006	P3118742	Xay Nhạ Bu Ly	Ngân sách	Công nghệ Thông tin	Đại học	Chính quy	4 năm
48	LEUANGXAYTHONG PHENG	Nam	09/6/2006	P3136218	Xay Nhạ Bu Ly	Ngân sách	Công nghệ Thông tin	Đại học	Chính quy	4 năm
49	MANIKONG TONTAVANH	Nam	27/9/2006	P2927174	Xay Nhạ Bu Ly	Ngân sách	Công nghệ Thông tin	Đại học	Chính quy	4 năm
50	XAIHOUA MOUNNYXIONG	Nam	30/11/2005	P3043096	Xay Sỗm Bun	Ngân sách	Công nghệ Thông tin	Đại học	Chính quy	4 năm

51	KHAYHAK NAMFON	Nữ	02/9/2006	P3100562	Xay Sỏm Bun	Ngân sách	Công nghệ Thông tin	Đại học	Chính quy	4 năm
52	LEUANGMANY KHOUNXAY	Nam	24/4/2006	P3070773	Xiêng Khoảng	Ngân sách	Công nghệ Thông tin	Đại học	Chính quy	4 năm
53	XAYTHOR CHENGXIONG	Nam	11/3/2005	P3115511	Xiêng Khoảng	Ngân sách	Công nghệ Thông tin	Đại học	Chính quy	4 năm
54	SOUTTHICHAK KHAMMANH	Nam	25/9/2006	P3115520	Xiêng Khoảng	Ngân sách	Công nghệ Thông tin	Đại học	Chính quy	4 năm
55	CHANTHAVONE MAY	Nữ	27/4/2006	P3112067	Xiêng Khoảng	Ngân sách	Công nghệ Thông tin	Đại học	Chính quy	4 năm
56	PHOMMACHAN DAPHONE	Nữ	25/12/2004	P3113990	U Đôm Xay	Ngân sách	Sư phạm Địa lý	Đại học	Chính quy	4 năm
57	SIPASEUTH THEPPHASITH	Nam	29/10/2006	P3102379	Luông Pha Bang	Ngân sách	Quản lý Tài nguyên và Môi trường	Đại học	Chính quy	4 năm
58	THIDAVANH ANOXA	Nam	15/01/2007	P2765641	Luông Pha Bang	Ngân sách	Quản lý Tài nguyên và Môi trường	Đại học	Chính quy	4 năm
59	PHETPHOUVONG KHAMPHANH	Nam	28/02/2006	P3100732	Luông Pha Bang	Ngân sách	Chăn nuôi	Đại học	Chính quy	4 năm
60	THAMMAKHANH SENG A THIT	Nam	17/12/2006	P3097549	Xay Nhạ Bu Ly	Ngân sách	Chăn nuôi	Đại học	Chính quy	4 năm
61	XAYYA PALINNYAMOUA	Nam	31/01/2006	P3114100	Xay Sỏm Bun	Ngân sách	Quản lý Tài nguyên và Môi trường	Đại học	Chính quy	4 năm
62	XAIYAVONG CHAMKEO	Nam	01/4/1986	P3136658	Luông Nậm Thà	Ngân sách	Giáo dục Chính trị	Đại học	Chính quy	4 năm
63	BOUNSAKY KHAMPHAN	Nam	29/7/1994	P3145659	Luông Nậm Thà	Ngân sách	Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành	Đại học	Chính quy	4 năm

64	INTHASONE ATHIT	Nam	05/8/2007	P3076949	Luông Pha Bang	Ngân sách	Tài chính - Ngân hàng	Đại học	Chính quy	4 năm
65	SOUPHADLAK MALISA	Nữ	15/01/2007	P3089602	Xay Sôm Bun	Ngân sách	Quản trị Kinh doanh	Đại học	Chính quy	4 năm
66	SOUVANNATHONG PHOUVA	Nam	30/3/2000	P3122123	Xay Sôm Bun	Ngân sách	Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành	Đại học	Chính quy	4 năm
67	PHOMSOUVANH PHOUXAISANA	Nam	20/02/2006	P3090142	Xiêng Khoảng	Ngân sách	Quản trị Kinh doanh	Đại học	Chính quy	4 năm
68	PHETSAVAI SANTISOUK	Nam	19/12/2006	P3108036	Xay Nhạ Bu Ly	Ngân sách	Công nghệ Thông tin	Đại học	Chính quy	4 năm
69	PHOUMXAYYASY SOUTTHISAN	Nam	19/01/2000	P3095320	Xay Sôm Bun	Ngân sách	Quản lý Tài nguyên và Môi trường	Đại học	Chính quy	4 năm
70	KEOBOUALAPHET THANAPHONE	Nam	25/8/2007	P3082262	Luông Pha Bang	Ngân sách	Công nghệ Thông tin	Đại học	Chính quy	4 năm

Danh sách gồm 70 lưu học sinh.

II. Danh sách lưu học sinh học chuyên ngành tại Trường Cao đẳng Y tế Sơn La

STT	Họ và Tên	Giới tính	Ngày sinh	Số hộ chiếu	Tỉnh cử đào tạo	Diện	Ngành đăng ký học	Trình độ	Hệ đào tạo	Thời gian đào tạo dự kiến
1	PHAENGKHAMSY FONXAY	Nữ	07/4/2006	P3069381	Hủa Phăn	Ngân sách	Dược	Cao đẳng	Chính quy	3 năm
2	VONGVONE THILASACK	Nam	29/8/2003	P3081481	Luông Pha Bang	Ngân sách	Dược	Cao đẳng	Chính quy	3 năm
3	MANYVONG ALOUNNADETH	Nam	04/12/2005	P3089959	Luông Pha Bang	Ngân sách	Dược	Cao đẳng	Chính quy	3 năm

4	KIASABONG ACHAY	Nam	22/5/2004	P3116463	Phông Sa Lỳ	Ngân sách	Dược	Cao đẳng	Chính quy	3 năm
5	SYSOUTHAM LATHSAMY	Nữ	26/6/2001	P3137181	Phông Sa Lỳ	Ngân sách	Dược	Cao đẳng	Chính quy	3 năm
6	LAOMA BOUASENG	Nữ	15/7/2007	P3090065	Phông Sa Lỳ	Ngân sách	Dược	Cao đẳng	Chính quy	3 năm
7	NAKAVONG CHANSAMAI	Nữ	19/3/2001	P3065419	Phông Sa Lỳ	Ngân sách	Dược	Cao đẳng	Chính quy	3 năm
8	XAYYAVONG XONG	Nam	09/4/2005	P3095301	U Đôm Xay	Ngân sách	Dược	Cao đẳng	Chính quy	3 năm
9	XIONG CHA	Nữ	08/02/2004	P3092111	U Đôm Xay	Ngân sách	Dược	Cao đẳng	Chính quy	3 năm
10	SALUANGXAI CHANHUANG	Nữ	15/7/2007	P3095055	U Đôm Xay	Ngân sách	Dược	Cao đẳng	Chính quy	3 năm
11	BANDASAK SOUKSAKHONE	Nam	03/10/2003	P3118422	Xay Nhạ Bu Ly	Ngân sách	Dược	Cao đẳng	Chính quy	3 năm
12	DIPHETTHAI ANOUPHAB	Nữ	04/11/2006	P3119959	Xay Nhạ Bu Ly	Ngân sách	Dược	Cao đẳng	Chính quy	3 năm
13	KEOKHANTHONG CHOUN	Nữ	01/10/2007	P3111242	Xay Sỏm Bun	Ngân sách	Dược	Cao đẳng	Chính quy	3 năm
14	SYSOUPHAN ALET	Nam	28/12/2006	P3118887	Xiềng Khoảng	Ngân sách	Dược	Cao đẳng	Chính quy	3 năm
15	PHETSUKKEO BOUTDAR	Nữ	20/3/2004	P3118586	Xiềng Khoảng	Ngân sách	Dược	Cao đẳng	Chính quy	3 năm
16	MAILAVONG KHAMTOU	Nữ	12/02/2007	P3090134	Hủa Phấn	Ngân sách	Dược	Cao đẳng	Chính quy	3 năm
17	YANG NOY	Nữ	30/6/2007	P3108848	Hủa Phấn	Ngân sách	Dược	Cao đẳng	Chính quy	3 năm

18	VORLADETH KHAMPHO	Nam	30/10/2007	P3098467	Luông Pha Bang	Ngân sách	Dược	Cao đẳng	Chính quy	3 năm
19	PHOTHILATH LATDAVANH	Nữ	30/6/2005	P2990903	Luông Pha Bang	Ngân sách	Dược	Cao đẳng	Chính quy	3 năm
20	KEOPHOMMA NOD	Nữ	20/12/2006	P3087008	Luông Pha Bang	Ngân sách	Dược	Cao đẳng	Chính quy	3 năm
21	PHALABOUNMY NOUN	Nữ	05/10/2003	P3125180	Phông Sa Lý	Ngân sách	Dược	Cao đẳng	Chính quy	3 năm
22	MANYCHAN KHAMPARN	Nam	26/6/1999	PA0468453	U Đôm Xay	Ngân sách	Dược	Cao đẳng	Chính quy	3 năm
23	CHITTAPHONE OLAY	Nữ	16/10/2006	P3086684	U Đôm Xay	Ngân sách	Dược	Cao đẳng	Chính quy	3 năm
24	KEODUANGTA KANKUAY	Nam	21/4/2007	P3061847	Xay Nhạ Bu Ly	Ngân sách	Dược	Cao đẳng	Chính quy	3 năm
25	PHANTHOU AMATH NANTHIDA	Nữ	02/10/2007	P3114204	Xay Nhạ Bu Ly	Ngân sách	Dược	Cao đẳng	Chính quy	3 năm
26	SIPHOMPHUKDY KET	Nam	19/9/1997	P3121165	Xay Sỏm Bun	Ngân sách	Dược	Cao đẳng	Chính quy	3 năm
27	SISOUPHANH KHAMBAY	Nữ	01/8/2007	P3096631	Xay Sỏm Bun	Ngân sách	Dược	Cao đẳng	Chính quy	3 năm
28	XAYSONGLUE NOUVANG	Nữ	27/7/2006	P3118341	Xay Sỏm Bun	Ngân sách	Dược	Cao đẳng	Chính quy	3 năm
29	PHANTHAVONG NAMPHEUNG	Nữ	06/8/2006	P3079080	Xiêng Khoảng	Ngân sách	Dược	Cao đẳng	Chính quy	3 năm
30	MALATCHANYOR NOYNIDA	Nữ	14/5/2006	P3126660	Xiêng Khoảng	Ngân sách	Dược	Cao đẳng	Chính quy	3 năm
31	VANNAPHA PHAYLIN	Nữ	09/8/2006	P3016582	Bò Kẹo	Ngân sách	Dược	Cao đẳng	Chính quy	3 năm

32	THAVIXAY PHOYPHAYLIN	Nữ	17/6/2007	P3103447	Bò Kẹo	Ngân sách	Dược	Cao đẳng	Chính quy	3 năm
33	LATXAPHON PABOU	Nam	07/6/2002	P3115771	Phông Sa Lý	Ngân sách	Dược	Cao đẳng	Chính quy	3 năm
34	PHOMMALA SENGCHANH	Nữ	07/7/2003	P3071391	Phông Sa Lý	Ngân sách	Dược	Cao đẳng	Chính quy	3 năm
35	SENGLA POUKKY	Nữ	01/12/2006	P3086565	U Đôm Xay	Ngân sách	Dược	Cao đẳng	Chính quy	3 năm
36	KHONEVIXAY SEUAY	Nữ	03/6/2003	P3074939	U Đôm Xay	Ngân sách	Dược	Cao đẳng	Chính quy	3 năm
37	LATTANAVONG PANIN	Nam	24/02/2007	P3084598	Xay Nhạ Bu Ly	Ngân sách	Dược	Cao đẳng	Chính quy	3 năm
38	MIPHOMLANE OMMALY	Nữ	27/10/2006	P3089129	Xay Nhạ Bu Ly	Ngân sách	Dược	Cao đẳng	Chính quy	3 năm
39	KONGMANY PHETSAMAI	Nữ	27/10/2006	P3062163	Xay Nhạ Bu Ly	Ngân sách	Dược	Cao đẳng	Chính quy	3 năm
40	SAENCHANTHAVONG PHIDAR	Nữ	14/5/2007	P3120233	Xay Nhạ Bu Ly	Ngân sách	Dược	Cao đẳng	Chính quy	3 năm
41	CHANTHAVONG SOMPHAVANH	Nữ	11/12/2006	P3093005	Xay Nhạ Bu Ly	Ngân sách	Dược	Cao đẳng	Chính quy	3 năm
42	SENGKHAMYONG SALY	Nam	22/8/2001	P3105632	Xay Sôm Bun	Ngân sách	Dược	Cao đẳng	Chính quy	3 năm
43	THAMMAVONG PHETMANY	Nữ	28/3/2007	P3115832	Xay Sôm Bun	Ngân sách	Dược	Cao đẳng	Chính quy	3 năm
44	XAYCHAO PHOUMEE	Nam	18/9/2007	P3140379	Xiêng Khoảng	Ngân sách	Dược	Cao đẳng	Chính quy	3 năm
45	SAYPHOUKHEUA PHEVA	Nữ	16/11/2006	P3096107	Xiêng Khoảng	Ngân sách	Dược	Cao đẳng	Chính quy	3 năm

46	YAXENGTHOR SONEXAY	Nam	06/11/2004	P3103243	Hủa Phăn	Ngân sách	Dược	Cao đẳng	Chính quy	3 năm
47	THONGDISAVATH SOUKSAVATH	Nam	30/9/2006	P3082333	Luông Pha Bang	Ngân sách	Dược	Cao đẳng	Chính quy	3 năm
48	MANYKHAM SOULIVAN	Nam	11/10/2006	P3071404	Luông Pha Bang	Ngân sách	Dược	Cao đẳng	Chính quy	3 năm
49	BONGSAVATH VILASACK	Nam	25/8/2007	P2752721	Luông Pha Bang	Ngân sách	Dược	Cao đẳng	Chính quy	3 năm
50	XAYSAKAN SONENALIN	Nữ	19/5/2007	P3067410	Phông Sa Lý	Ngân sách	Dược	Cao đẳng	Chính quy	3 năm
51	MANPASEUT VONGPHET	Nữ	07/10/2006	P3076518	Phông Sa Lý	Ngân sách	Dược	Cao đẳng	Chính quy	3 năm
52	XOYVIKEN VARN	Nữ	07/12/2003	P3061459	U Đôm Xay	Ngân sách	Dược	Cao đẳng	Chính quy	3 năm
53	THAMMAVONG VATHSANA	Nam	02/02/2003	P2925351	Xay Nhạ Bu Ly	Ngân sách	Dược	Cao đẳng	Chính quy	3 năm
54	VILATHONG TO	Nam	23/5/1999	P3133931	Xay Sỏm Bun	Ngân sách	Dược	Cao đẳng	Chính quy	3 năm
55	MAVONGKHAM SOUKY	Nam	02/7/2006	P3116238	Xiêng Khoảng	Ngân sách	Dược	Cao đẳng	Chính quy	3 năm
56	XAIPANYA TAMON	Nữ	10/01/2007	P3126663	Xiêng Khoảng	Ngân sách	Dược	Cao đẳng	Chính quy	3 năm
57	PHOUTTHASAK TOUKTIK	Nữ	21/01/2007	P3097356	Xiêng Khoảng	Ngân sách	Dược	Cao đẳng	Chính quy	3 năm
58	SOUKSAVATH ANOUSINH	Nữ	12/4/2005	P3121062	Bò Kẹo	Ngân sách	Hộ sinh	Cao đẳng	Chính quy	3 năm
59	BUALAVAN AOUM	Nữ	18/8/2005	P3120780	Bò Kẹo	Ngân sách	Hộ sinh	Cao đẳng	Chính quy	3 năm

60	BOUNCHALEUN SAYPHONE	Nữ	17/10/2006	P3061849	Bò Kẹo	Ngân sách	Hộ sinh	Cao đẳng	Chính quy	3 năm
61	PHAENGSYPHAI PHIENKHAM	Nữ	29/11/2006	P3100173	Hủ Phấn	Ngân sách	Hộ sinh	Cao đẳng	Chính quy	3 năm
62	XAIYASAN THIPSAMAI	Nữ	02/10/2005	P3114030	Luông Nậm Thà	Ngân sách	Hộ sinh	Cao đẳng	Chính quy	3 năm
63	CHANTHAPHONE CHANSONE	Nữ	06/6/2006	P3098738	Luông Pha Bang	Ngân sách	Hộ sinh	Cao đẳng	Chính quy	3 năm
64	SIVILAY DENG	Nữ	05/12/2006	P3081006	Luông Pha Bang	Ngân sách	Hộ sinh	Cao đẳng	Chính quy	3 năm
65	MANEE POK	Nữ	15/10/2007	P3082518	Luông Pha Bang	Ngân sách	Hộ sinh	Cao đẳng	Chính quy	3 năm
66	PHILAKONE PHOUMMALACK	Nữ	07/02/2005	P2950107	Xay Nhạ Bu Ly	Ngân sách	Hộ sinh	Cao đẳng	Chính quy	3 năm
67	KHEMVONGSA UVIN	Nữ	18/4/2006	PA0493274	Xay Sỏm Bun	Ngân sách	Hộ sinh	Cao đẳng	Chính quy	3 năm
68	SINTHIPHAVONG VANIDA	Nữ	11/11/2007	P3095775	Xay Sỏm Bun	Ngân sách	Hộ sinh	Cao đẳng	Chính quy	3 năm
69	MALATCHANYOR TAMON	Nữ	16/12/2007	P3126661	Xiêng Khoảng	Ngân sách	Hộ sinh	Cao đẳng	Chính quy	3 năm
70	SENGCHAN BOMBY	Nữ	14/01/2004	P2541228	Xay Nhạ Bu Ly	Ngân sách	Điều dưỡng	Cao đẳng	Chính quy	3 năm
71	KEOPUNYA BOUNSERTH	Nam	15/5/2007	P3103450	U Đôm Xay	Ngân sách	Điều dưỡng	Cao đẳng	Chính quy	3 năm
72	LAO CHOR	Nữ	13/11/2003	P3044590	U Đôm Xay	Ngân sách	Điều dưỡng	Cao đẳng	Chính quy	3 năm
73	SAENGKHAM NAMFON	Nữ	08/12/2002	P3130133	Xay Nhạ Bu Ly	Ngân sách	Điều dưỡng	Cao đẳng	Chính quy	3 năm

74	PONGVILAY OM	Nam	05/12/2005	P3095292	Bò Kẹo	Ngân sách	Điều dưỡng	Cao đẳng	Chính quy	3 năm
75	PAKOUXIONG	Nữ	10/9/2005	P3114541	Xay Sồm Bun	Ngân sách	Điều dưỡng	Cao đẳng	Chính quy	3 năm
76	PANYAVONG PUNA	Nữ	09/3/2007	P3115733	Xay Sồm Bun	Ngân sách	Điều dưỡng	Cao đẳng	Chính quy	3 năm
77	SISAVAT SONEPHET	Nữ	08/9/2006	P3110910	Luông Pha Bang	Ngân sách	Điều dưỡng	Cao đẳng	Chính quy	3 năm
78	KHAMMEXAI SAIYSOUDA	Nữ	03/6/2007	P3118474	Xay Sồm Bun	Ngân sách	Điều dưỡng	Cao đẳng	Chính quy	3 năm
79	XAIYALUD SUP	Nam	23/12/2001	P3133056	Xay Nhạ Bu Ly	Ngân sách	Điều dưỡng	Cao đẳng	Chính quy	3 năm
80	BOUNMEEXAY KHAMXOY	Nam	12/9/2004	P3096482	Hủa Phăn	Ngân sách	Điều dưỡng	Cao đẳng	Chính quy	3 năm

Danh sách gồm 80 lưu học sinh.